

Số:1641 /QĐ-UBND

Hiệp Hòa, ngày 25 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Dự án 2 và Tiểu dự án 2 của Dự án 7 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 huyện Hiệp Hoà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm (đợt 2), tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện về việc điều chỉnh chủ đầu tư, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tại Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện;*

*Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 149/TTr-TCKH ngày 24/10/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Dự án 2 và Tiểu dự án 2 của Dự án 7 (đợt 2) thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 huyện Hiệp Hoà, với số tiền là: **4.114.496.000** đồng (Bốn tỷ, một trăm mười bốn triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

**Nguồn vốn:** Sự nghiệp - Ngân sách Trung ương

*(Chi tiết có biểu số 01, số 02 gửi kèm)*

**Điều 2.** Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp vốn cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND xã, thị trấn được giao chủ đầu tư có tên tại Điều 1. Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có tên tại Điều 1 có trách nhiệm sử dụng vốn, thanh, quyết toán đúng quy định pháp luật nhà nước hiện hành.

Giao Phòng Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã, thị trấn thực hiện các nội dung theo quyết định dự án được phê duyệt.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, UBND các xã, thị trấn được giao làm chủ đầu tư tại Điều 1, Kho bạc Nhà nước huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTHU, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, các CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



  
**Hoàng Công Bộ**

**BIỂU GIAO CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 2  
ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO HUYỆN HIỆP HOÀ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày ..... /10/2023 của UBND huyện Hiệp Hoà)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Đơn vị (Dự án)	Quyết định số, ngày, tháng, năm	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Vốn sự nghiệp NSTW hỗ trợ	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>6.957.193,9</b>	<b>4.011.496</b>	
1	Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò Lai shind sinh sản bán chăn thả tại xã Đại Thành	UBND xã Đại Thành	1	Số 4271/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại 03 thôn Bảo Tân, Đại Mão, Hà Nội	Năm 2023-2025	500.000,0	300.000	
2	Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò lai shind sinh sản tại thôn Cầu, xã Đoàn Bái	UBND xã Đoàn Bái	1	Số 4278/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại thôn Cầu của xã Đoàn Bái	Năm 2023-2025	450.000,0	270.000	
3	Dự án chăn nuôi bò lai sind sinh sản bán chăn thả xã Danh Thắng	UBND xã Danh Thắng	1	Số 4273/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại 06 thôn trên địa bàn xã Danh Thắng (Đại Đồng 1, Đại Đồng 2, Danh Thượng 1, Danh Thượng 2, Danh Thượng 3, Nam Đồng)	Năm 2023-2025	583.268,0	350.000	
4	Dự án Chăn nuôi bò sinh sản xã Đông Lỗ	UBND xã Đông Lỗ	1	Số 4277/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại 6 thôn (Chằm, Vân Cầm, Yên Ninh, Đồng Quan, Chúng, Nghĩa Tiến)	Năm 2023-2025	583.300,0	350.000	Chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023
5	Dự án Nuôi bò sinh sản tại thôn Ngọc Cụ, xã Hoàng Thanh	UBND xã Hoàng Thanh	1	Số 4279/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại thôn Ngọc Cụ của xã Hoàng Thanh	Năm 2023-2025	166.700,0	100.000	Chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023
6	Dự án Chăn nuôi bò sinh sản xã Hợp Thịnh	UBND xã Hợp Thịnh	1	Số 4272/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại 06 thôn: Trung Tâm, Đồng Đạo, Gò Pháo, Ninh Tào, Hương Ninh, Đa Hội	Năm 2023-2025	656.714,6	350.000	
7	Dự án Chăn nuôi bò Lai sind sinh sản xã Hùng Sơn	UBND xã Hùng Sơn	1	Số 4253/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	Tại 03 thôn (Tân Sơn, Hoà Tiến, Trung Thành)	Năm 2023-2025	583.728,3	349.942	Chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023
8	Chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Lương Phong năm 2023	UBND xã Lương Phong	1	Số 4275/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại 13/13 thôn trên địa bàn xã Lương Phong	Năm 2023-2025	1.010.479,0	597.598	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Đơn vị (Dự án)	Quyết định số, ngày, tháng, năm	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Vốn sự nghiệp NSTW hỗ trợ	Ghi chú
9	Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò lai Sind sinh sản bán chăn thả tại xã Mai Trung	UBND xã Mai Trung	1	Số 4276/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại 7 thôn (Trung Hòa, Trung Hưng, Cẩm Trang, Mai Phong, Nội Xuân, Nội Quan, Xuân Giang)	Năm 2023-2025	602.604,0	349.956	
10	Dự án Chăn nuôi bò sinh sản thôn Bình Dương- Quyền, xã Ngọc Sơn	UBND xã Ngọc Sơn	1	Số 4270/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại 02 thôn (thôn Bình Dương và thôn Quyền)	Năm 2023-2025	566.700,0	340.000	Chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023
11	Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản xã Thái Sơn	UBND xã Thái Sơn	1	Số 4280/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại 05 thôn (Trung Sơn, Quế Sơn, Giang Tân, Đồng Tân, Thái Thọ)	Năm 2023-2025	937.100,0	464.000	
12	Dự án hỗ trợ nuôi bò sinh sản tại xã Thanh Vân	UBND xã Thanh Vân	1	Số 4274/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	Tại 02 thôn (thôn Tam Hợp và thôn Hoàng Lại)	Năm 2023-2025	316.600,0	190.000	

**BIỂU GIAO CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN TIÊU DỰ  
ÁN 2 CỦA DỰ ÁN 7: NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH-  
TIÊU DỰ ÁN 2: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ (ĐỢT 2)**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày ..... /10/2023 của UBND huyện Hiệp Hoà)*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị được hỗ trợ</b>	<b>Vốn sự nghiệp NSTW hỗ trợ</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.000</b>	
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện	18.000	
2	UBND xã Lương Phong	5.000	
3	UBND xã Mai Trung	5.000	
4	UBND xã Hợp Thịnh	5.000	
5	UBND xã Đồng Tân	5.000	
6	UBND xã Đại Thành	5.000	
7	UBND xã Thái Sơn	5.000	
8	UBND xã Thanh Vân	5.000	
9	UBND xã Ngọc Sơn	5.000	
10	UBND xã Đông Lỗ	5.000	
11	UBND xã Danh Thắng	5.000	
12	UBND xã Hoàng Thanh	5.000	
13	UBND thị trấn Bắc Lý	5.000	
14	UBND xã Hùng Sơn	5.000	
15	UBND xã Hương Lâm	5.000	
16	UBND xã Hoàng Lương	5.000	
17	UBND Thị trấn Thắng	5.000	
18	UBND xã Đoàn Bái	5.000	